

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN TÂN HƯNG
TỈNH LONG AN

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HS-ST.

Ngày: 26-01-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HƯNG - TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Thành.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Ngọc Giao.

2. Ông Phạm Ngọc Chánh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Hà Năng Hiên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Vũ Trường – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hưng, tỉnh Long An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2023/TLST-HS, ngày 06/10/2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2023/QĐXXST-HS ngày 02/11/2023 đối với bị cáo sau:

Họ và tên: Nguyễn Thị U, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984; tại tỉnh T; Nơi cư trú: Ấp C, xã T, thành phố N, tỉnh T; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Văn N (cha ruột đã chết), ông Nguyễn Văn D (cha dượng, đã chết), bà Trần Thị Ph (đã chết); Chồng: Nguyễn Văn L, sinh năm: 1989; Nơi cư trú: Ấp C, xã T, thành phố N, tỉnh T; Bị cáo có 04 người con: người lớn nhất sinh năm 2003, người nhỏ nhất sinh năm 2021 (trong đó có 01 con riêng, 03 con chung với ông L).

- Tiền sự, tiền án: Không.

- Nhân thân:

Ngày 10/02/2004, bị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh T xử phạt 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

Ngày 16/11/2004, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T xử phạt 01 năm tù về tội Trộm cắp tài sản;

Ngày 21/3/2006, bị Tòa án nhân dân thành phố L, tỉnh T xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản;

Ngày 12/12/2008, bị Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh A xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản;

Ngày 01/9/2011, bị Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh T xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản;

Ngày 17/3/2015, bị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh T xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản tại. Đã chấp hành xong Bản án và Quyết định thi hành án ngày 22 tháng 02 năm 2019.

Ngày 20/9/2023, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản hiện đang chấp hành Bản án 44/2023/HS-ST của Tòa án huyện N, tỉnh T.

Bị hại: Bà Lê Thị Thu D, sinh năm 1977; Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn H, tỉnh A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1989; Địa chỉ: Ấp C, xã T, thành phố N, tỉnh T.

- Bà Nguyễn Thị Bích Ngân, sinh năm 2000; Địa chỉ: Ấp C, xã T, thành phố N, tỉnh T.

Người làm chứng:

- Ông Lê Thanh T, sinh năm: 1954; Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn H, tỉnh A.

- Bà Trần Thị Y, sinh năm: 1962; Địa chỉ: Khu phố C, thị trấn H, tỉnh A.

- Bà Võ Thị Cẩm T, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện H, tỉnh T.

(Bị cáo có mặt; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 27/6/2023, Nguyễn Thị U, điều khiển xe mô tô biển số 66H1-195.44 từ thành phố N, tỉnh T đến chợ Tân Hưng thuộc khu phố A, thị trấn H, huyện Tân Hưng, tỉnh Long An, xem có ai quản lý tài sản sơ hở để lấy trộm. Khoảng 07 giờ cùng ngày, Nguyễn Thị U phát hiện chị Lê Thị Thu D, sinh năm 1972, cư trú tại khu phố C, thị trấn H, huyện H, tỉnh A, đang mua cá tại Chợ Tân Hưng và để bóp vải màu xanh trong túi áo khoác sơ hở nên nảy sinh ý định móc túi của chị D để lấy bóp tiền. Nguyễn Thị U đi đến cố ý va vào người chị D đồng thời dùng tay phải lấy cái bóp vải màu xanh đựng tiền trong túi áo khoác của chị D có số tiền là 3.013.000 đồng (*Ba triệu không trăm mười ba ngàn đồng*), rồi cất giấu vào trong người thì bị chị D phát hiện tri hô cùng người dân bắt quả tang Nguyễn Thị U cùng tang vật và giao cho Công an thị trấn Tân Hưng, huyện Tân Hưng xử lý.

Ngày 27/6/2023, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh huyện H, tỉnh Long An xác định số tiền thu giữ của Nguyễn Thị U là 3.013.000 đồng đều là tiền thật.

Ngày 27/6/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện Tân Hưng tiến hành tạm giữ vật chứng: Một bóp vải màu xanh, bên trong có tổng số tiền 3.013.000 đồng (*Ba triệu không trăm mười ba ngàn đồng*); Số tiền 2.071.000 đồng (*Hai triệu không trăm bảy mươi một ngàn đồng*); Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu trắng-đen-bạc, biển số đăng ký 66H1-195.44; Một điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Samsung Galaxy A23.

Ngày 06/7/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hưng trả lại cho chủ sở hữu Lê Thị Thu D: số tiền là 3.013.000đ (Ba triệu không trăm mười ba ngàn đồng).

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Thị U đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản tiếp nhận người bị bắt trong trường hợp phạm tội quả tang; biên bản ghi lời khai bị hại bà Lê Thị Thu D, những người làm chứng bà Trần Thị Y, bà Võ Thị Cẩm T và ông Lê Thanh T.

Ngày 06 tháng 10 năm 2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện ban hành Cáo trạng số: 22/CT-VKS-TH, truy tố Nguyễn Thị U về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Thị U thực hiện 07 lần trộm cắp đã bị xử lý hình sự, trong đó khi thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tại huyện Tân Hưng, tỉnh Long An.

Bị cáo Nguyễn Thị U xuất thân từ gia đình nông dân, không có tiền án, tiền sự, hoàn cảnh gia đình kinh tế khó khăn.

Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo thật thà khai báo, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn bị hại có đơn bãi nại, như vậy cần xem xét cho cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Ngày 27/6/2023, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Chi nhánh huyện Tân Hưng, tỉnh Long An xác định số tiền thu giữ của Nguyễn Thị U là 3.013.000 đồng đều là tiền thật.

Tăng nặng: Không có.

Mức án, áp dụng: Theo khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, 50, 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (Được sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị U mức án từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Đề nghị áp dụng Điều 56 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt buộc Nguyễn Thị U phải chấp hành hình phạt tù bản án hiện tại với bản án số 44/2023/HS-ST ngày 20/9/2023 về tội trộm cắp tài sản của TAND huyện N, tỉnh T mà Nguyễn Thị U đang chấp hành án.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị U số tiền 2.071.000 đồng (Hai triệu không trăm bảy mươi một ngàn đồng). Một điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Samsung Galaxy A23.

Trả lại ông Nguyễn Văn L: Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu trắng-đen-bạc, biển số đăng ký 66H1-195.44.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách nhà nước.

Trong phần tranh luận: Bị cáo thống nhất với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện và bị cáo nói lời nói sau cùng là xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Hưng, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo Nguyễn Thị U, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1984 là người trưởng thành, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo nhận thức được hành vi mà mình thực hiện là hành vi trái pháp luật:

Vào lúc 07 giờ ngày 27/6/2023, Nguyễn Thị U đến chợ Tân Hưng thuộc khu phố A, thị trấn H, huyện H, tỉnh A, lén lút lấy bóp ví màu xanh trong túi áo khoác của bà Lê Thị Thu D với số tiền là 3.013.000 đồng (*Ba triệu không trăm mười ba ngàn đồng*), rồi cất giấu vào trong người của bị cáo, bị bà D phát hiện tri hô cùng người dân bắt quả tang Nguyễn Thị U cùng tang vật và giao cho Công an thị trấn Tân Hưng, huyện Tân Hưng xử lý.

Biên bản lập ngày 27/6/2023 tiếp nhận người bị bắt quả tang và thu giữ tang vật: Trong người bị cáo Nguyễn Thị U và vật chứng: Một bóp ví màu xanh, bên trong có tổng số tiền 3.013.000 đồng (*Ba triệu không trăm mười ba ngàn đồng*).

Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thị U đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với biên bản xác định hiện trường; Sơ đồ hiện trường; Lời khai của người làm chứng... Như vậy có đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Thị U phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Cáo trạng của viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hưng truy tố bị cáo về tội danh và Điều luật viện dẫn có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật và xác định khung hình phạt tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là phù hợp.

[4] Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự và hình phạt bổ sung: Trong quá trình điều tra, tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình, bị hại có đơn xin bãi nại. Căn cứ điểm s khoản 1,2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo. Riêng hình phạt bổ sung xét thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo gặp khó khăn, còn nuôi con nhỏ nên không áp dụng đối với bị cáo.

Tình tiết tăng nặng: Không có (tuy bị cáo có nhân thân trộm cắp nhiều lần nhưng thời trộm cắp lần trước với lần kế tiếp có khoảng cách dài không thể xem tính chuyên nghiệp).

[5] Tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội đối với vụ án và hành vi của bị cáo: Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó trực tiếp xâm hại quyền sở hữu công dân, đồng thời gây mất trật tự ở địa phương, nên chọn lựa mức án thích hợp, theo khoản 1 Điều 173, Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Đối với số tiền trong thẻ ATM của bị hại tên “TRAN NGOC DUY TAN” có số dư

là 114.832 đồng, bị cáo không biết số tiền cụ thể có trong thẻ là bao nhiêu nên không xem xét số tiền này là hành vi trộm cắp tài sản.

[6] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật cần áp dụng mức phạt tù tương xứng mức phạt tù với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung, mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị là chưa phù hợp, đồng thời xét thấy do bị cáo được xem xét tình tiết giảm nhẹ điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) cần xem xét cho bị cáo một mức án thích hợp và tổng hợp hình phạt theo Bản án số 44/2023/HS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T đã xử phạt bị cáo Nguyễn Thị U 01 năm 06 tháng tù.

[7] Bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, bản thân cư trú ở tỉnh T và đang thi hành án hình sự, xét thấy cần phải tiếp tục giam bị cáo theo lệnh trích xuất của cơ quan quản lý Thi hành án hình sự Bộ Công An.

[8] Về vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị U: Số tiền 2.071.000 đồng (Hai triệu không trăm bảy mươi một ngàn đồng); Một điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Samsung Galaxy A23.

Trả cho ông Nguyễn Văn L: Một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu trắng-đen-bạc, biển số đăng ký 66H1-195.44.

[9] Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định mức thu phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Thị U phải chịu 200.000 tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1, Điều 173, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, 50; 56 Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị U phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị U 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tù.

2. Tổng hợp hình phạt với Bản án số 44/2023/HS-ST ngày 20/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh T, mức án phải thi hành của bị cáo Nguyễn Thị U là 02 (hai) năm 10 (mười) tháng. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày 20/7/2023, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 27/6/2023 đến 07/7/2023.

3. Về vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự:

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị U những tài sản sau:

- Số tiền 2.071.000 đồng (Hai triệu không trăm bảy mươi một ngàn đồng).

- 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu Samsung Galaxy A23, màu đen; Số seri R58T327BS2E; IMEI 1: 35465131007613; IMEI 2: 355740241007618. Đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong.

Trả lại cho ông Nguyễn Văn L:

- 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave, màu trắng-đen-bạc, biển số đăng ký 66H1-195.44; Số khung: 1257FY168978; Số máy: HC12E7169065. Đã qua sử dụng không kiểm tra tình trạng bên trong.

4. Án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị U phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh/H;
- Công an huyện;
- CCTHADS huyện;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Ngô Văn Thành